

Số: 187 /BC-UBND

TP. Tây Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước quý I năm 2024 và ước thực hiện quý II năm 2024

Kính gửi: Sở Tài chính Tây Ninh.

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn Thành phố.

UBND Thành phố báo cáo kết quả thực hiện thu chi ngân sách nhà nước quý I năm 2024 và đề ra phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2024 như sau:

#### I- TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2024:

##### 1/ Phần thu ngân sách nhà nước: (biểu mẫu kèm theo)

Thực hiện thu ngân sách nhà nước 02 tháng đầu năm 2024 là 118,698 tỷ đồng; thực hiện thu NSNN tháng 3/2024 là 66,490 tỷ đồng, Lũy kế quý I/2024 là 185,188 tỷ đồng, đạt 25,93% so dự toán (DT) Tỉnh, Thành phố giao, tăng 4,64% so cùng kỳ (CK). trong đó:

Thu ngân sách phường, xã 02 tháng đầu năm 2024 là 8,901 tỷ đồng; thực hiện thu tháng 3/2024 là 5,958 tỷ đồng, Lũy kế quý I năm 2024: 14,859 tỷ đồng, đạt 28,17% so dự toán (DT); tăng 19,66% so cùng kỳ.

##### 2/ Phần chi NSNN

Thực hiện chi ngân sách nhà nước 02 tháng đầu năm 2024 là 182,698 tỷ đồng; thực hiện chi ngân sách nhà nước tháng 3/2024 là 67,915 tỷ đồng, Lũy kế quý I/2024: 251,614 tỷ đồng, đạt 31,32% so DT giao; và tăng 72,09% so CK, trong đó:

- Chi ngân sách xã phường 02 tháng đầu năm 2024 là 10,456 tỷ đồng; thực hiện chi ngân sách xã, phường tháng 03/2024 là 6,317 tỷ đồng, Lũy kế chi quý I năm 2024: 16,774 tỷ đồng, đạt 19,63% so DT, tăng 23,49 % so CK.

#### 3/. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước trong quý I năm 2024.

##### a) Thu ngân sách:

Công tác thu ngân sách được chỉ đạo ngay từ đầu năm ngành thuế và các phường, xã xây dựng kế hoạch thu, tổ chức khai thác tốt các nguồn thu có lợi thế, về tổng thể thu ngân sách quý I/2024 đạt 25,93% so DT. Trong đó:

+ Có 07/12 khoản thu đạt và vượt DT: thu khác tại xã (đạt 220,43%), thu phí, lệ phí (đạt 55,72%), thu tiền sử dụng đất (đạt 39,07%), thuế tài nguyên (đạt 35,20%), thu khác ngân sách nhà nước (đạt 30,69%), thuế thu nhập cá nhân (đạt 30,74%), thuế thu nhập doanh nghiệp (đạt 28,56%).



+ 05/12 khoản thu chưa đạt dự toán là: thuế giá trị gia tăng (đạt 23,95%), thuế tiêu thụ đặc biệt (đạt 21,33%), thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (đạt 21,57%), lệ phí trước bạ (đạt 16,35%), thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (đạt 13,05%).

- Đối với xã phường:

+ Có 8/10 phường, xã đạt và vượt dự toán: phường Ninh Sơn đạt 29,97%, xã Bình Minh đạt 33,52%, UBND Phường 3 đạt 29,35%, Phường IV đạt 28,14%, Phường 2 đạt 27,54 %, Phường 1 đạt 29,80%, phường Ninh Thạnh đạt 28,23%, xã Tân Bình đạt 26,32%.

+ Còn 02/10 phường, xã còn lại ước thu chưa đạt (25%) là: phường Hiệp Ninh đạt 22,90%, xã Thạnh Tân đạt 21,11%.

#### **b) Chi ngân sách:**

Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: giá trị giải ngân vốn ngân sách Thành phố đạt 57,75%, giá trị giải ngân vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu đạt 27,56%, chủ yếu giải ngân từ các công trình chuyên tiếp. Hiện nay các công trình mới đang tổ chức lựa chọn nhà thầu (Có chuyên đề báo cáo tình hình thực hiện đầu tư công quý I).

Chi đảm bảo xã hội đạt 78,49% so DT, tăng 46,03% so cùng kỳ, Chi quốc phòng - an ninh đạt 18,20%, Chi sự nghiệp phát thanh đạt 13,71% so DT, Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo đạt 20,54% so DT, Chi sự nghiệp văn hóa đạt 13,41% so DT, Chi sự nghiệp thể thao đạt 16,53% so DT.

Chi quản lý nhà nước đạt 21,01% so DT; các khoản chi như: chi sự nghiệp kinh tế đạt 14,24%, sự nghiệp môi trường đạt 10,71%...

#### **c) Đánh giá chung:**

Thành phố đã thực hiện việc giao dự toán thu chi ngân sách đảm bảo đúng thời gian quy định, việc công khai dự toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách; Quản lý, điều hành chi ngân sách bám sát dự toán giao đầu năm, các khoản chi tiêu đều nằm trong kế hoạch, dự toán đã giao; trong chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi của địa phương và các nhiệm vụ chi theo chủ trương của Tỉnh, nhất là chi chăm lo cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo trong dịp Tết Nguyên đán.

Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đang triển khai cho các xã để thực hiện.

Các xã, phường cũng đã chủ động điều hành dự toán ngân sách, đảm bảo kinh phí chi lương và hoạt động được kịp thời.

#### **4/ Nguyên nhân:**

##### **a) Mặt làm được:**

- UBND Thành phố tập trung chỉ đạo triển khai kế hoạch và giao nhiệm vụ ngay từ đầu năm.

- DT thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 giao cho các phòng, ban và xã, phường được kịp thời, bảo đảm thời gian Luật định, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị chủ động khai thác nguồn thu và sử dụng ngân sách theo yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Các ngành, các cấp thành phố đã có sự chủ động trong triển khai thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao ngay từ đầu năm.

- Các phường, xã đã xây dựng kế hoạch thu ngay từ đầu năm.



- Ngành Thuế đã bám sát tình hình thực tế và nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra và vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách liên quan đến nghĩa vụ tài chính và các nguồn thu về đất đai để huy động đầy đủ các nguồn thu vào ngân sách.

#### **b) Mặt chưa được:**

Theo đánh giá của các đơn vị, xã, phường nguyên nhân lệ phí trước bạ thu không đạt so dự toán đầu năm là do ảnh hưởng do lệ phí trước bạ ô tô trước đây tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, năm 2023 chuyển về các huyện tự cấp giấy chứng nhận đăng ký xe dẫn đến nguồn thu lệ phí trước bạ của Thành phố không đạt, đây là nguồn thu chủ lực của Thành phố.

- Thuế GTGT: do các doanh nghiệp kinh doanh trong quý 1/2024 nộp thuế còn chậm ảnh hưởng đến số thu trong quý 1/2024.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước các năm trước đây Thành phố có các khoản thu như cho thuê kiot kinh doanh cà phê, các công viên nhưng hiện nay không còn cho kinh doanh; thuế tiêu thụ đặc biệt: nguồn thu này chủ yếu là dịch vụ karaoke hoạt động không thường xuyên ảnh hưởng đến nguồn thu thấp.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp chưa đạt dự toán do quy định trong năm thu chia làm 02 đợt: tháng 4 và tháng 10 hàng năm vì vậy trong quý 1/2024 chưa đạt theo dự toán đề ra.

## **II- PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NSNN QUÝ II NĂM 2024:**

### **1. Về thu ngân sách:**

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế; Tăng cường chống thất thu qua công tác kiểm tra, xây dựng kế hoạch thu hồi nợ thuế tồn đọng, các hoạt động thu phạt vi phạm hành chính; Quản lý chặt chẽ công tác kê khai, nộp thuế, nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc khai thác các nguồn thu, kiểm tra giấy phép kinh doanh, giấy phép xây dựng trên địa bàn phường xã, đảm bảo nuôi dưỡng các nguồn thu ổn định vững chắc.

- Đối với các khoản thu khác liên quan đến đất: Tăng cường phối kết hợp với đơn vị hữu quan trong việc tập trung giải quyết nhanh nhất các thủ tục về đất đai để triển khai công tác đấu giá quyền sử dụng đất, đất công, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu nộp ngân sách kịp thời, đúng quy định; vận động, tuyên truyền các hộ gia đình, cá nhân ghi nợ Tiền SDD sắp đến hạn thanh toán nộp vào NSNN.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí, trước bạ xe: giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính, tạo nguồn thu để bù đắp hụt thu. Các khoản thu khác ngân sách: rà soát các khoản thu phạt sau kiểm tra, kiểm toán, thu hồi các khoản nợ, thu khác.

- Tăng cường công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đảm bảo hoàn thành kế hoạch kiểm tra năm 2023, thường xuyên rà soát bổ sung kịp thời những đối tượng có dấu hiệu rủi ro cao và gian lận thuế vào kế hoạch. Thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế cần tập trung kiểm tra các doanh nghiệp có doanh thu lớn, những lĩnh vực, ngành nghề có rủi ro cao, nâng cao hiệu quả kiểm tra, góp phần tăng thu cho ngân sách.



- Chi cục thuế Khu vực Thành phố Tây Ninh - Châu Thành phối hợp với UBND các phường, xã hoàn chỉnh bộ thuế SDĐPNN.

- Các cơ quan chuyên môn phối hợp tốt để tham mưu cho UBND Thành phố, khai thác khoản thu từ thanh lý bán đấu giá tài sản; thu từ bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất các trụ sở rà soát dư theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ theo phương án tỉnh phê duyệt.

- UBND phường, xã phát huy vai trò của hội đồng tư vấn thuế thường xuyên báo cáo về BCD thu ngân sách Thành phố về những khó khăn đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách mà nghị quyết Thành phố đề ra. Ban chỉ đạo thu ngân sách Thành phố được giao phụ trách thường xuyên xuống địa bàn hỗ trợ xã phường thực hiện nhiệm vụ.

**- Về chi ngân sách:**

- Tiếp tục quản lý, điều hành chi NSNN chặt chẽ theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; chỉ đạo tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc quản lý, sử dụng kinh phí trong mỗi cơ quan, đơn vị.

- Các cơ quan được giao làm chủ đầu tư tiến hành các thủ tục lựa chọn nhà thầu các dự án nguồn vốn Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách Thành phố để tiến hành khởi công các dự án mới trong quý II/2024, đẩy nhanh tiến độ thi công đối với các công trình chuyển tiếp và công trình khởi công mới đang thi công. Thực hiện xây dựng sơ đồ gantt từng công trình và triển khai đúng tiến độ, theo dõi chặt chẽ thi công các công trình để đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn năm 2023. Phối hợp trung tâm phát triển Quỹ đất Thành phố triển khai các dự án có đền bù, giải phóng mặt bằng để tạo đất sạch để thực hiện dự án.

- Cơ quan Tài chính thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thu, chi ngân sách của các phòng, ban và phường xã; phối hợp Phòng Giáo dục thường xuyên kiểm tra thu, chi tài chính, cho các đơn vị trường học kịp thời giảm chi, thu hồi nộp ngân sách các khoản chi không đúng quy định.

Trên đây là tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước quý I năm 2024 và phương hướng, giải pháp thực hiện nhiệm vụ quý II năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TC-KH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng Oanh



## BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG QUÝ I NĂM 2024

DVT: đồng

ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN THU NĂM 2024	THU 02 THÁNG NĂM 2024	THỰC HIỆN THÁNG 03 NĂM 2024	LŨY KẾ QUÝ I NĂM 2024	ĐẠT % SO KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM	% SO CÙNG KỲ
A	1	3	4	5	6=5/1	7
Phường 1	6.211.000.000	999.181.417	851.793.692	1.850.975.109	29,80	130,14
Phường 2	7.752.000.000	1.242.272.178	892.878.837	2.135.151.015	27,54	108,17
Phường 3	15.069.000.000	2.740.220.241	1.682.498.066	4.422.718.307	29,35	129,25
Phường 4	7.398.000.000	1.340.798.123	741.345.407	2.082.143.530	28,14	98,04
Phường Hiệp Ninh	5.581.000.000	818.498.608	459.498.653	1.277.997.261	22,90	117,04
Phường Ninh Sơn	4.132.000.000	742.161.620	496.084.689	1.238.246.309	29,97	132,94
Phường Ninh Thạnh	3.466.000.000	453.000.955	525.395.429	978.396.384	28,23	116,21
Xã Bình Minh	1.350.000.000	309.254.458	143.283.868	452.538.326	33,52	143,94
Xã Tân Bình	802.000.000	121.798.784	89.299.927	211.098.711	26,32	140,68
Xã Thạnh Tân	998.000.000	134.359.082	76.329.425	210.688.507	21,11	143,33
<b>Tổng cộng</b>	<b>52.759.000.000</b>	<b>8.901.545.466</b>	<b>5.958.407.993</b>	<b>14.859.953.459</b>	<b>28,17</b>	<b>119,66</b>



I - PHÂN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024



ĐVT: đồng

TT	DỰ TOÁN THU NĂM 2024	Thu tháng 02/2024	Thu tháng 3/2024	Lũy kế thu từ đầu năm đến nay	So sánh % DT 4=3/1	So cùng kỳ
A						5
	<b>TỔNG THU NỘI ĐỊA</b>	<b>118.698.348.836</b>	<b>66.489.766.849</b>	<b>185.188.115.685</b>	<b>25,93</b>	<b>104,64</b>
1	<b>THU TỪ KHU VỰC CTN, DỊCH VỤ NQD</b>	<b>41.563.199.521</b>	<b>31.006.329.854</b>	<b>72.569.529.375</b>	<b>24,69</b>	<b>99,92</b>
	- Thuế Giá trị Gia tăng	37.981.134.713	21.304.488.612	59.285.623.325	23,95	109,67
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.097.649.615	9.381.446.576	12.479.096.191	28,56	71,12
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	106.089.544	128.533.275	234.622.819	21,33	52,91
	- Thuế Tài nguyên	378.325.649	191.861.391	570.187.040	35,20	97,97
2	<b>LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ</b>	<b>18.205.576.124</b>	<b>11.217.202.912</b>	<b>29.422.779.036</b>	<b>16,35</b>	<b>64,52</b>
3	<b>THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>	<b>32.644.881.139</b>	<b>6.817.274.490</b>	<b>39.462.155.629</b>	<b>39,07</b>	<b>187,79</b>
4	<b>THUẾ SD ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP</b>	<b>1.221.787.985</b>	<b>1.366.091.218</b>	<b>2.587.879.203</b>	<b>21,57</b>	<b>115,22</b>
5	<b>THU PHÍ - LỆ PHÍ</b>	<b>3.510.821.102</b>	<b>501.369.342</b>	<b>4.012.190.444</b>	<b>55,72</b>	<b>106,76</b>
6	<b>THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN</b>	<b>17.551.846.003</b>	<b>13.192.726.587</b>	<b>30.744.572.590</b>	<b>30,74</b>	<b>122,90</b>
7	<b>THU TIỀN CHO THUÊ MẶT ĐẤT, MẶT NƯỚC</b>		<b>117.494.702</b>	<b>117.494.702</b>	<b>13,05</b>	<b>58,87</b>
8	<b>THU KHÁC NSNN</b>	<b>3.712.537.098</b>	<b>2.118.123.874</b>	<b>5.830.660.972</b>	<b>30,69</b>	<b>99,16</b>
	<i>Trong đó : + Thu phạt ATGT</i>	<i>2.158.452.000</i>	<i>881.220.000</i>	<i>3.039.672.000</i>	<i>38,00</i>	<i>170,68</i>
	<i>+ Thu khác còn lại</i>	<i>1.554.085.098</i>	<i>1.236.903.874</i>	<i>2.790.988.972</i>	<i>25,37</i>	<i>68,09</i>
9	<b>THU KHÁC TẠI XÃ</b>	<b>287.699.864</b>	<b>153.153.870</b>	<b>440.853.734</b>	<b>220,43</b>	<b>69,68</b>

II- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024



Số TT	Nội dung các khoản chi	DỰ TOÁN NĂM 2024	Chi 02 tháng năm 2024	Chi tháng 03 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm 2024	So dự toán	So cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5	6
A	TỔNG CÁC KHOẢN CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+II+III+IV+V)	802.817.720.000	181.418.988.453	67.635.332.166	249.054.320.619	31,02	172,15
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (bao gồm chi ủy thác qua NHCSXH)	230.360.000.000	110.954.482.182	22.074.796.000	133.029.278.182	57,75	246,75
1	Chi từ nguồn cân đối	90.900.000.000	6.720.000.000	9.941.000.000	16.661.000.000	18,33	158,30
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	101.000.000.000	7.322.000.000	3.893.000.000	11.215.000.000	11,10	84,23
3	Chi XDCB từ nguồn bổ sung MT tỉnh ( Nguồn XSKT)	38.460.000.000	5.425.000.000	5.174.000.000	10.599.000.000	27,56	109,35
4	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022, chuyển nguồn sang năm 2024		91.487.482.182	3.066.796.000	94.554.278.182		463,98
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	545.435.802.000	69.164.506.271	45.560.536.166	114.725.042.437	222	23.824
1	Chi sự nghiệp kinh tế	80.047.051.000	2.365.275.253	9.032.016.310	11.397.291.563	14,24	131,41
2	Sự nghiệp môi trường	35.125.529.000	6.750.000	3.756.838.272	3.763.588.272	10,71	22809,63
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	263.257.794.000	34.700.439.900	19.377.483.796	54.077.923.696	20,54	118,95
4	Chi sự nghiệp Y tế	5.139.288.000		771.525.000	771.525.000	15,01	122,65
5	Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	130.000.000			0	0,00	
6	Chi sự nghiệp văn hoá- thông tin	3.928.643.000	290.555.640	236.168.261	526.723.901	13,41	71,62
7	Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao	1.084.911.000	72.987.448	106.390.333	179.377.781	16,53	139,80
8	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	1.028.722.000	90.081.471	50.949.523	141.030.994	13,71	55,71
9	Chi đảm bảo XH	22.619.361.000	14.022.700.345	3.730.818.789	17.753.519.134	78,49	146,03
10	Chi QL hành chính, Đảng, đoàn thể, TCXH	89.564.032.000	12.973.229.279	5.842.582.676	18.815.811.955	21,01	117,08
11	Chi an ninh - Quốc phòng	40.007.067.000	4.642.486.935	2.639.796.186	7.282.283.121	18,20	111,31
	- An ninh	20.989.456.000	1.934.162.427	1.278.782.242	3.212.944.669	15,31	114,73
	- Quốc phòng	19.017.611.000	2.708.324.508	1.361.013.944	4.069.338.452	21,40	108,76
12	Chi khác	2.733.404.000		15.967.020	15.967.020	0,58	
13	Kinh phí chưa phân bổ				0		
14	Mua sắm sửa chữa cấp Thành phố	770.000.000	0		0		
III	Chi tạo nguồn CCTL năm 2024	655.840.000			0		
IV	Dự phòng theo quy định	15.073.078.000	0		0		
V	Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	11.293.000.000	1.300.000.000	0	1.300.000.000	11,51	
B	CHI TẠM ỨNG NGÂN SÁCH		577.586.000		577.586.000		87,39
C	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	589.200.000	1.701.800.000	280.400.000	1.982.200.000	336,42	227,03
D	CHI NỘP TRẢ KINH PHÍ CẤP TRÊN				0		
E	CÁC KHOẢN CHI CHƯA ĐƯA VÀO CÔNG THỨC				0		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>803.406.920.000</b>	<b>183.698.374.453</b>	<b>67.915.732.166</b>	<b>251.614.106.619</b>	<b>31,32</b>	<b>172,09</b>





**BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG QUÝ I NĂM 2024**

ĐVT: đồng

ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN CHI NĂM 2024	CHI 02 THÁNG NĂM 2024	THỰC HIỆN THÁNG 03 NĂM 2024	THỰC HIỆN CHI QUÝ I NĂM 2024	ĐẠT % SO KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM	% SO CÙNG KỲ
A	1	3	4	5	6=5/1	7
Phường 1	9.261.177.000	1.010.736.344	588.011.376	1.598.747.720	17,26	109,79
Phường 2	7.161.917.000	851.091.885	495.493.058	1.346.584.943	18,80	115,25
Phường 3	9.699.278.000	1.027.149.191	732.177.489	1.759.326.680	18,14	116,99
Phường 4	8.087.090.000	835.873.795	658.025.814	1.493.899.609	18,47	108,24
Phường Hiệp Ninh	9.444.941.000	997.774.918	648.578.739	1.646.353.657	17,43	110,65
Phường Ninh Sơn	10.334.808.000	2.484.523.318	637.372.958	3.121.896.276	30,21	185,09
Phường Ninh Thạnh	9.187.414.000	805.603.336	714.861.535	1.520.464.871	16,55	117,67
Xã Bình Minh	8.060.628.000	904.334.191	588.820.586	1.493.154.777	18,52	130,20
Xã Tân Bình	6.896.059.000	703.737.009	628.974.163	1.332.711.172	19,33	113,31
Xã Thạnh Tân	7.320.429.000	835.745.818	625.127.870	1.460.873.688	19,96	113,66
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.453.741.000</b>	<b>10.456.569.805</b>	<b>6.317.443.588</b>	<b>16.774.013.393</b>	<b>19,63</b>	<b>123,49</b>